

Số: 52/2022/QĐST-HNGĐ

*Bình Thạnh, ngày 18 tháng 01 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0862/2021/TLST-VHNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Ông **Đào Hoàng A**

Sinh năm: 1987

Địa chỉ thường trú: 81/75 N, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà **Lê Thị Cẩm B**

Sinh năm: 1987

Địa chỉ thường trú: 145/2 T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 174/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Đào Hoàng A và bà Lê Thị Cẩm B ngày 11 tháng 12 năm 2013 cùng lời trình bày của các bên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đào Hoàng A và bà Lê Thị Cẩm B là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, hôn nhân giữa ông Hoàng A và bà Cẩm B là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên cuộc hôn nhân này đã không đạt được mục đích nên sự thỏa thuận của các đương sự về việc thuận tình ly hôn là tự nguyện và đúng pháp luật, nên công nhận.

[2] Về con chung: Ông Hoàng A và bà Cẩm B xác nhận có 02 con chung là Đào Lê Hà C - sinh ngày 03/8/2015 và Đào Lê Nhật D - sinh ngày 02/02/2018. Đôi bên thỏa thuận giao trẻ C và trẻ D cho bà Cẩm B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Hoàng A cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D với mức 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/trẻ, bắt đầu thi hành từ ngày 25/01/2022 cho đến khi trẻ C và trẻ D đủ tuổi trưởng thành. Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên về con chung là tự nguyện, đúng pháp luật nên có cơ sở để công nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Hoàng A và bà Cẩm B không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[4] Về lệ phí: Ông Hoàng A và bà Cẩm B phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tBnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đào Hoàng A và bà Lê Thị Cẩm B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Đào Lê Hà C - sinh ngày 03/8/2015 và Đào Lê Nhật D - sinh ngày 02/02/2018. Đôi bên thỏa thuận giao trẻ C và trẻ D cho bà Cẩm B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Hoàng A cấp dưỡng nuôi trẻ C và trẻ D với mức 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/trẻ, bắt đầu thi Bnh từ ngày 25/01/2022 cho đến khi trẻ C và trẻ D đủ tuổi trưởng thành

Ông Hoàng A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Cẩm B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hoàng A không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con đúng theo thỏa thuận như trên thì hàng tháng ông Hoàng A phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, ông Đào Hoàng A và bà Lê Thị Cẩm B thỏa thuận chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0089843 ngày 26/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Hoàng A và bà Cẩm B đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi Bnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Bnh án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi Bnh án dân sự, người phải thi Bnh án dân sự có quyền thỏa thuận thi Bnh án, quyền yêu cầu thi Bnh án, tự nguyện thi Bnh án hoặc bị cưỡng chế thi Bnh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi Bnh án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu yêu cầu thi Bnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Bnh án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Y;
- Chi cục THADS Q.Y;
- UBND P.X Q.Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thiện Liên Hương**